

TÌM HIỂU KIẾN THỨC VỀ BỆNH VIÊM GAN CỦA BỆNH NHÂN KHOA TRUYỀN NHIỄM, BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG HUẾ

Hoàng Thị Phương¹, Dương Thị Bích Hoa¹,
Lê Thị Thanh Thủy¹

TÓM TẮT

Viêm gan B là một bệnh truyền nhiễm rất phổ biến trên thế giới và tại Việt Nam. Việt Nam nằm trong khu vực với tỷ lệ rất cao nhiễm HBV (15-20%). Mục tiêu: Đánh giá kiến thức về bệnh viêm gan B của bệnh nhân (truyền, các yếu tố nguy cơ, phòng chống v.v...)

Phương pháp nghiên cứu: 58 bệnh nhân được điều trị tại Khoa bệnh Truyền nhiễm, Bệnh viện Trung ương Huế, kể từ 01 tháng 4 đến 30 tháng 4 năm 2011. Nghiên cứu cắt ngang.

Kết quả: 70,52% bệnh nhân viêm gan B gây ra bởi virus; 56,76% biết đường lây truyền chính là qua đường máu. Các yếu tố nguy cơ tiếp xúc tình dục không an toàn, sử dụng thuốc bằng đường tĩnh mạch, nhân viên y tế, Hầu hết bệnh nhân biết các triệu chứng như chán ăn (82,56%), mất ngủ (80,84%), vàng da (29,24%). 87,72% biết cách tốt nhất phòng ngừa là tiêm phòng.

Kết luận: Các kiến thức về bệnh viêm gan B của bệnh nhân được điều trị tại Khoa Truyền nhiễm, Bệnh viện Trung ương Huế là tương đối tốt.

ABSTRACT

EVALUATION THE KNOWLEDGE ABOUT HEPATITIS B OF PATIENTS TREATED AT DEPARTMENT OF INFECTIOUS DISEASES, HUE CENTRAL HOSPITAL

Hoang Thi Phuong¹, Duong Thi Bich Hoa¹,
Le Thi Thanh Thuy¹

Hepatitis B is a very popular infectious disease in the world and also in Vietnam. Vietnam is located in the region with very high prevalence of HBV infection (15 - 20%). Aims: Evaluate the knowledge about hepatitis B of patients (transmissions, risk factors, prevention,...)

Methods: 58 patients treated at Department of Infectious diseases, Hue Central hospital, since 01 April to 30 April, 2011. Cross-sectional study.

Results: 70.52% of patients know that hepatitis B caused by virus; 56.76% know the main way of transmission is through blood. The risk factors are unsafe sexual contact, drug using in vein, health care workers,... Most of patients know the main symptoms such as anorexia (82.56%), sleepless (80.84%), jaundice (29.24%). 87.72% know the best way of prevention is vaccination.

Conclusion: The knowledge about hepatitis B of patients treated at Department of Infectious diseases, Hue Central Hospital is relatively good.

1. Khoa Truyền nhiễm, BVTW Huế

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhiễm virus viêm gan B hiện nay là một vấn đề sức khỏe lớn của toàn cầu, đặc biệt là các nước đang phát triển. Theo Tổ chức Y tế thế giới ước tính, hiện nay trên thế giới có khoảng 2 tỷ người đã nhiễm virus viêm gan B. Trong đó có khoảng 30 - 40 triệu người chết mỗi năm liên quan đến viêm gan B như: viêm gan cấp, tối cấp, xơ gan và ung thư gan.

Việt Nam nằm trong khu vực có tỷ lệ nhiễm virus viêm gan B rất cao. Các thống kê cho thấy: Tỷ lệ nhiễm virus viêm gan B khoảng 15 - 20% dân số. Tỷ lệ HBsAg (+) ở người đi tiêm chủng tại thành phố Hồ Chí Minh (2003) là 14,8%, ở Hà Nội tỷ lệ là 14%. Tại Thừa Thiên Huế, Nguyễn Ngọc Minh và cộng sự đã thông báo tỷ lệ HBsAg (+) ở người hiến máu nhân đạo là 13,57% [3], [4], [5].

Virus viêm gan B lây truyền chủ yếu qua đường máu và các sản phẩm từ máu, qua quan hệ tình dục, từ mẹ truyền sang con khi đẻ...

Theo Tổ chức Y tế thế giới, vùng dịch lưu hành cao có đường truyền chủ yếu xảy ra theo chiều dọc từ mẹ sang con, tuổi bị nhiễm thường rất sớm như trẻ sơ sinh, ngoài ra còn lây qua quan hệ tình dục... Vì vậy hầu hết dân số bị nhiễm virus viêm gan B rất sớm. Người nhiễm virus không có triệu chứng trở thành người lành mang virus rất nguy hiểm cho cộng đồng. Chính vì vậy tôi tiến hành khảo sát đề tài: "Tìm hiểu kiến thức về bệnh viêm gan của bệnh nhân khoa Truyền nhiễm, Bệnh viện Trung ương Huế" với mục tiêu sau: *Tìm hiểu kiến thức của bệnh nhân về bệnh viêm gan B như các đường lây truyền, các yếu tố nguy cơ, cách phòng bệnh.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** 58 bệnh nhân đang nằm điều trị tại khoa Truyền nhiễm, Bệnh viện Trung ương Huế, từ ngày 01/4/2011 đến ngày 30/4/2011. Bệnh nhân từ 15 tuổi trở lên. Không phân biệt giới tính. Không phân biệt nghề nghiệp.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Những bệnh nhân mắc bệnh viêm gan B, Những bệnh nhân không đồng ý tham gia nghiên cứu. Những bệnh nhân không bình thường về trí tuệ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu:

- Nghiên cứu theo phương pháp mô tả cắt ngang.
- Phỏng vấn bệnh nhân dựa vào bảng câu hỏi.

III. KẾT QUẢ

3.1. Đặc điểm chung

Bảng 3.1: Phân bố đối tượng nghiên cứu theo giới

Giới	n	%
Nam	35	60,44
Nữ	23	39,56

Nhận xét: Tỷ lệ nam chiếm 60,44%, nữ chiếm 39,56%.

Bảng 3.2 : Bảng phân bố theo nghề nghiệp

Nghề nghiệp	n	%
Làm ruộng	23	39,56
Làm nghề	14	24,08
Cán bộ	10	17,20
Học sinh - sinh viên	11	18,92

Nhận xét: Số người làm ruộng và làm nghề chiếm: 63,64%. Số cán bộ và học sinh - sinh viên chiếm: 36,12%

3.2. Khảo sát sự hiểu biết về một số đặc điểm của bệnh viêm gan siêu vi B:

Bảng 3.3: Hiểu biết về nguyên nhân gây bệnh

Nguyên nhân	n	%
Virus	41	70,68
Vi khuẩn	09	15,48
Rượu	2	3,64
Ký sinh trùng	06	10,32

Nhận xét: Đa số bệnh nhân nhận biết được viêm gan siêu vi B là do virus chiếm 70,52%.

Bệnh viện Trung ương Huế

Bảng 3.4: Hiểu biết về đường lây truyền của bệnh viêm gan siêu vi B

Đường lây truyền	n	%
Đường tiêu hóa	08	13,76
Đường hô hấp	00	0
Đường máu	33	56,76
Mẹ truyền sang con	12	20,64
Quan hệ tình dục không an toàn	24	41,28
Dùng chung bơm kim tiêm	17	29,24
Các đường lây khác	00	0

Nhận xét: Phần lớn bệnh nhân biết được đường lây truyền của bệnh viêm gan như: Đường máu : 56,76%; Quan hệ tình dục không an toàn : 41,28%; Dùng chung bơm kim tiêm : 29,24%.

Bảng 3.5: Sự hiểu biết về các biểu hiện của bệnh viêm gan siêu vi B

Biểu hiện của bệnh	n	%
Chán ăn	48	82,56
Mất ngủ	46	80,84
Vàng da	17	29,24
Rối loạn tình dục	06	10,32

Nhận xét: Bệnh nhân cho rằng biểu hiện của viêm gan B: Chán ăn: 82,56%. Mất ngủ: 80,84%. Vàng da: 29,24%. Rối loạn tình dục: 10,32%.

Bảng 3.6: Nhóm người có nguy cơ mắc bệnh cao

Nhóm người	n	%
Tiêm chích ma túy	37	63,64
Quan hệ tình dục với nhiều người	42	72,24
Nhân viên y tế trực tiếp chăm sóc bệnh	18	30,96
Suy nhược cơ thể	05	8,60
Di truyền từ cha mẹ	11	18,92

Nhận xét: Đa số bệnh nhân biết được nguy cơ bệnh cao do: Tiêm chích ma túy: 63,64%. Quan hệ tình dục với nhiều người: 72,24%.

Bảng 3.7: Hiểu biết về sự nguy hiểm của bệnh viêm gan B

Phòng bệnh	n	%
Tỷ lệ mắc bệnh trong cộng đồng rất cao	17	29,24
Bệnh có thể kéo dài suốt đời	08	13,76
Bệnh có thể lây theo nhiều đường	48	82,56
Bệnh có thể gây nên các biến chứng nặng (như : xơ gan, ung thư gan)	31	53,32

Nhận xét: Đa số bệnh nhân trả lời sự phòng bệnh viêm gan B là rất quan trọng vì: 82,56%: Bệnh lây theo nhiều đường khác nhau. 53,32%: Bệnh có thể để lại các biến chứng nặng nề.

Bảng 3.8: Hiểu biết về cách phòng bệnh viêm gan

Cách phòng bệnh	n	%
Tiêm vaccine viêm gan B	51	87,72
Phương pháp khác	7	12,28

Nhận xét: Hầu hết bệnh nhân biết được cách phòng bệnh viêm gan là tiêm vaccin viêm gan B chiếm 87,72%, còn lại 12,28% chọn phương pháp khác.

Bảng 3.9 : Những loại thức ăn nên tránh

Thức ăn nên tránh	n	%
Thức ăn nhiều mỡ	49	84,28
Thức ăn nhiều đường	02	3,44
Thức ăn nhiều vitamin	02	3,44
Thức ăn nhiều bột	00	0
Thức ăn nhiều chất xơ	05	8,60

Nhận xét: Đa số bệnh nhân biết được thức ăn nên tránh là thức ăn nhiều mỡ, chiếm tỷ lệ 84,28%.

Bảng 3.10: Các biến chứng do viêm gan siêu vi B gây nên

Biến chứng của viêm gan siêu vi B	n	%
Xơ gan	48	82,56
Ung thư gan	18	30,96
Suy nhược cơ thể	09	15,48

Nhận xét: Có 82,56% bệnh nhân cho rằng viêm gan siêu vi B sẽ gây biến chứng xơ gan và 30,96% sẽ gây nên ung thư gan. Còn lại 15,48% cho rằng sẽ gây suy nhược cơ thể.

Bảng 3.11: Hiểu biết về sự tái phát của bệnh viêm gan siêu vi B

Hiểu biết về sự tái phát của bệnh	n	%
Tái phát	53	91,16
Không tái phát	05	8,60

Nhận xét: Đa số người bệnh hiểu được sự nguy hiểm của bệnh viêm gan vì nó có thể tái phát. Tỷ lệ này chiếm 91,16%.

Bảng 3.12: Nguồn thông tin để người bệnh hiểu và biết về bệnh viêm gan siêu vi B

Nguồn thông tin	n	%
Truyền hình	42	72,24
Báo chí	2	3,62
Đài (radio)	02	3,44
Từ cán bộ y tế	13	22,36
Internet	11	18,96

Nhận xét: Phần lớn bệnh nhân hiểu và biết các thông tin về bệnh viêm gan siêu vi B qua truyền hình, báo chí chiếm 72,24%. Số còn lại biết qua đài và cán bộ y tế.

IV. BÀN LUẬN

Theo bảng 3.3, có 70,52% bệnh nhân biết được bệnh viêm gan B do virus gây ra. Chỉ có gần 30% cho là do các nguyên nhân khác.

Theo bảng 3.4, phần lớn bệnh nhân biết được đường lây truyền của bệnh viêm gan B như đường máu: 56,76%, quan hệ tình dục không an toàn: 41,28%, dùng chung bơm kim tiêm: 29,24%. Kết quả này chứng tỏ bệnh nhân ở đây có hiểu biết khá tốt về các đường lây truyền.

Kết quả ở bảng 3.5 cho thấy sự hiểu biết về các biểu hiện của bệnh viêm gan siêu vi B như chán ăn, mất ngủ, vàng da ... cũng khá cao. Có 82,56% bệnh nhân biết về biểu hiện chán ăn ở bệnh nhân viêm gan B, 80,84% biết triệu chứng mất ngủ, 29,24%

biết có vàng da. Ngoài ra có 10,32% biết bệnh nhân viêm gan B có rối loạn tình dục.

Đa số bệnh nhân cũng biết được nguy cơ mắc bệnh cao do tiêm chích ma túy: 63,64%, quan hệ tình dục với nhiều người: 72,24%, nhân viên y tế...

Theo bảng 3.10, nhiều người được phỏng vấn đã biết được những biến chứng quan trọng của bệnh viêm gan siêu vi B như xơ gan (có 82,56%), ung thư gan (có 30,96%). Tỷ lệ này tương tự như ở các nghiên cứu khác.

Bên cạnh đó cũng còn một số kiến thức chưa đúng như:

- Còn có nhiều người nhầm lẫn giữa viêm gan siêu vi B và A nên có 13,76% cho rằng viêm gan siêu vi B lây qua đường tiêu hóa.

- Có 15,48% cho rằng viêm gan siêu vi B do vi khuẩn gây nên.

- Còn 12,28% cho rằng: Muốn phòng bệnh viêm gan siêu vi B thì cần phải uống vaccin viêm gan và uống thuốc Nam để dự phòng.

- Còn 8,6% chưa hiểu được sự nguy hiểm của bệnh viêm gan siêu vi B vì họ cho rằng sau khi điều trị viêm gan siêu vi B sẽ không tái phát.

- Có rất ít bệnh nhân biết được thông tin về bệnh viêm gan siêu vi B qua nhân viên y tế. Tỷ lệ này rất thấp, chiếm 22,36%.

V. KẾT LUẬN

Qua khảo sát trên 58 bệnh nhân nằm điều trị tại khoa Truyền nhiễm, Bệnh viện Trung ương Huế, hầu hết bệnh nhân có kiến thức khá tốt về nguyên nhân gây bệnh, đường lây truyền, các triệu chứng của bệnh và cách phòng bệnh.

Có 70,52% bệnh nhân cho rằng nguyên nhân gây nên bệnh viêm gan siêu vi B là do virus. 56,76% bệnh nhân cho rằng bệnh viêm gan siêu vi B lây qua đường máu.

Có 87,72% biết được cách phòng bệnh viêm gan siêu vi B là phải tiêm phòng vaccin viêm gan B. 91,16% cho rằng bệnh viêm gan siêu vi B rất nguy hiểm vì nó có thể để lại biến chứng nặng nề như xơ gan và ung thư gan...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hữu Chí, Cao Ngọc Nga (2001), “Nhiễm virus viêm gan B trong sinh viên y khoa”, *Tạp chí Y học thực hành*, 1, tr.8-10.
2. Trần Xuân Chương (2004), “Nghiên cứu một số yếu tố nguy cơ gây nhiễm virus viêm gan B và C”, *Tạp chí Y học thực hành*, 2(473), tr.116-119.
3. Phạm Văn Linh, Trần Thị Minh Diễm (2005), “Khảo sát tình hình nhiễm, nguy cơ lây truyền virus viêm gan B và C tại tỉnh Thừa Thiên Huế và đề xuất biện pháp dự phòng lây nhiễm cho cộng đồng”, *Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Tỉnh*, trường Đại học Y Dược Huế.
4. Trịnh Quân Huân (2000), “Bệnh viêm gan siêu vi B”, *Bệnh viêm gan do virus*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, tr.33-86.
5. Lê Văn Trịnh (2001), “Tình hình nhiễm virus viêm gan B trong học sinh trường Trung học y tế”, *Luận văn Thạc sĩ Y học*, trường Đại học Y Dược Huế.